

Bản án số: **124/2025/HS-PT**

Ngày: 26/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**
ông **Phùng Anh Dũng**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo **Đỗ Văn X** và các bị cáo khác về tội “Nhận hối lộ”, “Đưa hối lộ”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2024/HS-ST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Đỗ Văn X**; sinh ngày 01/11/1981, tại Hải Phòng; nơi thường trú và nơi đã cư trú: **1 N, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai**; nghề nghiệp: nguyên Phó giám đốc **Trung tâm Đ3**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đỗ Văn C** và bà **Đoàn Thị P** (đã chết); vợ là **Hoàng Thị Thùy T**, có 02 con sinh năm 2013 và 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo là Đảng viên **Đ4**, ngày 14/7/2023 bị UBKT Đảng ủy khởi các cơ quan và **doanh nghiệp tỉnh G** đình chỉ sinh hoạt Đảng;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/7/2023 đến ngày 31/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. **Vũ Văn T1**; sinh ngày 17/01/1992, tại Hải Phòng; nơi thường trú: **A, xã D, huyện V, thành phố Hải Phòng**; nơi đã cư trú: **A L, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai**; nghề nghiệp: nguyên Phó giám đốc **Trung tâm Đ3**; trình

độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vũ Văn Đ** và bà **Phạm Thị Y**; vợ là **Tô Thị Huyền T2**, có 02 con sinh năm 2021 và sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/7/2023 đến ngày 31/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. **Phan Văn H**; sinh ngày 10/12/1980, tại Thành phố Hà Nội; nơi thường trú: **thôn L, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội**; nơi đã cư trú: **C N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam**; nơi tạm trú hiện tại: **149 H, tổ I, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai**; nghề nghiệp: nguyên nhân viên **Trung tâm Đ3**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Văn Q** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị T3**; vợ là **Trần Thị Thu T4**, có 02 con sinh năm 2012 và sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/7/2023 đến ngày 31/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. **Ngô Thanh P1**; sinh ngày 20/7/1967, tại **A, Gia Lai**; nơi thường trú: **tổ E, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai** và nơi ở hiện tại: **hẻm C T, tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai**; nghề nghiệp: Đảng kiểm viên, **Trung tâm Đ3**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Ngô Đa M** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị T5** (đã chết); vợ là **Thân Thị N**, có 02 con sinh năm 1997 và 2003; tiền án, tiền sự: không; bị cáo là Đảng viên **Đ4**, ngày 11/9/2024 bị UBKT Đảng ủy khôi các cơ quan và **doanh nghiệp tỉnh G** đình chỉ sinh hoạt Đảng;

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. **Nguyễn Hoàng G**; sinh ngày 11/4/1971, tại Thành phố Hà Nội; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: **1A, 3 đường T, tổ dân phố Đ, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội**; nghề nghiệp: nhân viên Phòng kiểm định xe cơ giới – **Cục Đ5**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn Đ1** và bà **Hoàng Thị P2**; vợ là **Nguyễn Thị Hoài A**, có 03 con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

6. **Nguyễn Ngọc P3**; sinh ngày 14/9/1990, tại Bình Định; nơi thường trú và nơi đã cư trú: **80 N, tổ D, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai**; nghề nghiệp: kinh doanh mua bán xe ô tô cũ; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Ngọc Q1** (đã chết) và bà **Trần Thị X1**; vợ là **Võ Thị Hồng Đ2**; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị

cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Đỗ Văn X**: bà **Hoàng Thị Như N1** - Luật sư **Văn phòng L**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh G**; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Phan Văn H**: bà **Hứa Thị Trung N2** - Luật sư **Văn phòng L**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh G**; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm Đ3 (Trung tâm Đ3) thuộc **Công ty TNHH đăng kiểm xe cơ giới tỉnh G**, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/12/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14/12/2015, là Công ty TNHH hai thành viên trở lên, được **Cục Đ5** cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới số 8103D/ĐKVN- 2 ngày 27/12/2018 với 02 dây chuyên kiểm định loại II.

Từ năm 2018 đến năm 2022, **Đỗ Văn X**, **Ngô Thanh P1** là Phó Giám đốc, **Vũ Văn T1**, **Phan Văn H** là Đăng kiểm viên tại Trung tâm 81-03D đã nhận tiền của **Nguyễn Ngọc P3** và một số chủ phương tiện có nhu cầu cải tạo xe cơ giới để làm không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới và tiến hành đăng kiểm, nghiệm thu tại **Trung tâm Đ3**.

Theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của **Bộ G1** quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì việc thi công cải tạo xe cơ giới phải được thực hiện tại các cơ sở cải tạo có kinh doanh ngành nghề thi công cải tạo, sản xuất, lắp ráp xe cơ giới theo quy định của pháp luật; phải thực hiện theo đúng thiết kế đã được thẩm định, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng cải tạo xuất xưởng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; xe cơ giới sau thi công phải được cơ sở cải tạo kiểm tra đảm bảo chất lượng sản phẩm, kết quả kiểm tra được lập thành biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo. Thành phần tham gia nghiệm thu xe cơ giới cải tạo gồm Đăng kiểm viên và đại diện cơ sở cải tạo xe.

Tuy nhiên, khi các chủ phương tiện liên hệ với **Đỗ Văn X**, **Vũ Văn T1**, **Ngô Thanh P1**, **Phan Văn H** để làm hồ sơ cải tạo xe cơ giới thì các Đăng kiểm viên này đã hướng dẫn các chủ phương tiện cung cấp thông tin đăng ký phương tiện cải tạo, yêu cầu cải tạo để làm hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới, nghiệm thu xe cơ giới cải tạo để các Đăng kiểm viên này liên hệ mua hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo, còn các chủ phương tiện thì chủ động tự thi công cải tạo hoặc thuê các Garage tại địa phương thi công cải tạo xe mà

không mang xe đến các cơ sở thi công được cấp phép để thi công theo quy định.

Các Đăng kiểm viên tại **Trung tâm Đ3** thỏa thuận với các chủ phương tiện giá để làm hồ sơ cải tạo từ 6.000.000đ đến 10.000.000đ/xe cơ giới cải tạo, bao gồm các chi phí để làm hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới, nghiệm thu xe cơ giới cải tạo và được các chủ phương tiện đồng ý. Sau khi các chủ phương tiện gửi đầy đủ thông tin cho **Đỗ Văn X**, **Vũ Văn T1**, **Phan Văn H**, **Ngô Thanh P1** thì các Đăng kiểm viên này đã liên hệ với **Hoàng Xuân T6**, **Nguyễn Hoàng G** là cán bộ **Cục Đ5** và các **Công ty TNHH D**; **Công ty Cổ phần T8**; **Công ty TNHH Ô**; **Công ty TNHH D1**; **Công ty TNHH MTV Đ6**; **Công ty Cổ phần D2** để mua hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không và chuyển tiền mua hồ sơ với giá cụ thể là:

- Xe ô tô 16 chỗ cải tạo thành xe Van 6 chỗ, xe ô tô tải cải tạo thành xe ô tô tải có mui: 6.000.000đ/1 xe cải tạo;

- Xe ô tô tải cải tạo thành xe ô tô tải có cần cẩu: 8.000.000đ/1 xe cải tạo;

Ngoài ra, vì các chủ phương tiện tự thi công cải tạo theo bản vẽ thiết kế xe cơ giới cải tạo nên khi nghiệm thu các xe cơ giới cải tạo nêu trên thì không có đại diện cơ sở thi công cải tạo tham gia, vì vậy các Đăng kiểm viên tại **Trung tâm Đ3** đã hợp thức hóa Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, nhờ người ký vào phần đại diện cơ sở thi công cải tạo, để cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới cải tạo và thực hiện kiểm định xe cơ giới cải tạo đảm bảo điều kiện lưu thông theo quy định.

Căn cứ kết quả điều tra, xác minh, lời khai của các bị cáo, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, xác định hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể như sau:

Đối với **Đỗ Văn X**: từ năm 2018 đến năm 2022, **Đỗ Văn X** là Phó Giám đốc **Trung tâm Đ3**, trong quá trình kiểm định xe cơ giới, **X** đã nhận tổng cộng 187.000.000đ của các chủ phương tiện rồi chuyển khoản cho **Hoàng Xuân T6** - Cán bộ **Cục Đ5** (là cổ đông sáng lập **Công ty TNHH D**; **Công ty Cổ phần T8**) và **Lã Thu C1** - Giám đốc **Công ty TNHH D** để mua 27 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không của **Công ty TNHH D**. Trong đó:

Nhận tiền của **Nguyễn Ngọc P3** là 126.000.000đ để mua không 18 hồ sơ (với số tiền 7.000.000đ/xe), gồm hồ sơ của các xe biển kiểm soát: 81F-000.76; 81F-001.26; 81F-000.62; 81F-001.00; 81B-020.06; 81F-002.64; 81B-006.45; 81F-000.71; 81F-000.52; 81B-009.08; 81F-000.91; 81B-021.93; 81B-012.12; 81F-000.64; 81B-012.54; 81B-016.11; 77B-018.30; 81B-019.01;

Nhận tiền của 09 cá nhân số tiền là 61.000.000đ để mua 09 hồ sơ, gồm các xe có biển kiểm soát: 81C-186.57; 81F-001.10; 81C-081.60 với số tiền 6.000.000đ; 81B-013.02; 81B-015.53; 81B-016.41; 81KT-000.58; 81B-

013.84; 81C-161.68.

Sau khi có hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới, **X** đã liên hệ với chủ phương tiện để thực hiện cải tạo xe cơ giới theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt và đưa xe đến **Trung tâm Đ3**. **X** và các Đăng kiểm viên **Trung tâm Đ3** đã hợp thức hóa Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo khi không có đại diện cơ sở thi công cải tạo tham gia, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho 27 xe cơ giới cải tạo nêu trên.

Đối với **Vũ Văn T1**: từ năm 2018 đến năm 2022, **Vũ Văn T1** là Đăng kiểm viên **Trung tâm Đ3**, trong quá trình kiểm định xe cơ giới, **T1** có nhận tổng cộng 168.000.000đ của 09 chủ phương tiện, cá nhân rồi chuyển khoản số tiền 144.000.000đ cho **Lã Thu C1** để mua 22 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không của **Công ty TNHH D**; số tiền còn lại 24.000.000đ **T1** được hưởng lợi 1.110.000đ do **Nguyễn Ngọc P3** và **Võ Xuân B** trả công và 22.890.000đ **T1** sử dụng để nộp các khoản phí cho Trung tâm 81-03D, đóng tiền cấp đổi cà vẹt...; trong đó:

Nhận của **Nguyễn Ngọc P3** 37.500.000đ để mua không 05 hồ sơ, gồm hồ sơ của các xe có biển kiểm soát: 81B-008.32; 81B-019.89; 81B-010.57; 81F-015.15; 81F-000.18. Trong đó gồm (6.000.000đ tiền hồ sơ thiết kế xe, 960.000.000đ tiền phí nghiệm thu xe cải tạo, 330.000.000đ tiền khám kiểm định)/ 01 xe, và 1.050.000đ là tiền **P3** trả công cho **Vũ Văn T1**;

Nhận của **Ngô Thanh P1** 38.500.000đ để mua không 04 hồ sơ, gồm các xe có biển kiểm soát: 81H-012.80; 81H-017.18; 81C-008.02; 81H-017.41;

Nhận của 13 chủ phương tiện, cá nhân số tiền 92.000.000đ để mua không 13 hồ sơ, gồm các xe có Biển kiểm soát: 81C-071.19; 81B-015.06; 81H-005.32; 81C-188.97; 81B-004.28; 81L-3388; 81C-210.34; 81B-013.27; 81B-017.73; 81B-008.69; 81B-020.14; 81B-001.89; 61R-061.41.

Sau khi có hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới, **Vũ Văn T1** đã liên hệ với chủ phương tiện để thực hiện cải tạo xe cơ giới theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt và đưa xe đến **Trung tâm Đ3**. **T1** và các Đăng kiểm viên **Trung tâm Đ3** đã hợp thức hóa Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo khi không có đại diện cơ sở thi công cải tạo tham gia rồi cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho 22 xe cơ giới cải tạo nêu trên.

Đối với **Phan Văn H**: **Phan Văn H** là Đăng kiểm viên **Trung tâm Đ7** – 03D. Mặc dù **H** không có chứng chỉ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo và không tham gia nghiệm thu xe cơ giới cải tạo nhưng **H** là Đăng kiểm viên tham gia các dây chuyền kiểm định và trực tiếp tham gia kiểm định các xe cơ giới cải tạo để cấp giấy chứng nhận đăng kiểm và tem kiểm định cho xe cơ giới cải tạo, đảm bảo đủ điều kiện lưu thông. Từ năm 2020 đến năm 2022, trong quá trình thực hiện kiểm định xe cơ giới, **H** đã nhận số tiền tổng cộng 309.500.000đ của các chủ phương tiện rồi chuyển tiền cho **Nguyễn Hoàng G**

số tiền 276.000.000đ để **G** chuyển cho **Vũ Hồng Q2** mua 45 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không của **Công ty TNHH D** và nhận số tiền 7.000.000đ của 01 chủ phương tiện để mua hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không của **Công ty TNHH D** nhưng không nhớ chuyển tiền cho ai để mua hồ sơ. Số tiền 33.500.000đ chênh lệch bị can **H** sử dụng để đóng các khoản phí cho Trung tâm 81-03D khi nghiệm thu các xe cơ giới cải tạo trên, trong đó:

Nhận của **Nguyễn Ngọc P3** 203.000.000đ để mua 29 hồ sơ (với số tiền 7.000.000đ/hồ sơ), gồm hồ sơ của các xe: 47B-019.55; 82B-001.80; 81B-017.62; 81B-020.22; 81B-015.90; 81B-011.40; 81B-018.33; 47B-009.07; 81B-006.90; 81B-017.84; 81B-011.93; 81B-013.48; 81B-018.31; 82B-001.88; 81B-018.14; 81B-009.16; 81B-011.91; 81F-001.05; 81F-001.98; 81F-001.47; 81F-001.58; 81F-001.76; 51B-044.72; 81F-001.14; 81B-018.38; 81B-001.86; 81B-020.45; 81B-020.84; 81B-022.84;

Nhận của 17 chủ phương tiện, cá nhân 113.500.000đ để mua 17 hồ sơ, gồm hồ sơ của các xe: 81B-019.15; 81C-128.98; 81C-192.28; 81B-010.31; 81B-004.49; 81F-001.97; 82B-003.85; 81C-002.76; 81B-000.74; 81M-5819; 81H-009.34; 81B-016.27; 81F-000.80; 81B-006.95; 81B-011.63; 81C-023.28; 81C-048.01.

Sau khi có hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới, **H** liên hệ với chủ phương tiện thực hiện cải tạo theo hồ sơ thiết kế được thẩm định và đưa xe đến **Trung tâm Đ3** để nghiệm thu xe cơ giới cải tạo và đã được các Đăng kiểm viên Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 81-03D hợp thức hóa Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo khi không có đại diện cơ sở thi công cải tạo tham gia, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho 46 xe cơ giới cải tạo.

Đối với **Ngô Thanh P1**: từ năm 2018 đến năm 2022, **Ngô Thanh P1** là Đăng kiểm viên bậc cao, Phó Giám đốc **Trung tâm Đ3**, trong quá trình thực hiện kiểm định xe cơ giới, **P1** đã nhận tổng cộng 109.500.000đ của 05 chủ phương tiện (gồm tiền mua hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới, phí nghiệm thu xe cơ giới cải tạo, phí đăng kiểm, đăng ký phương tiện) rồi cung cấp thông tin đăng ký phương tiện, yêu cầu cải tạo xe cơ giới của 11 xe ô tô và đưa tổng cộng 94.500.000đ cho **Đỗ Văn X**, **Vũ Văn T1** và **Lê Đình V** để mua 11 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không của **Công ty TNHH D** và **Công ty cổ phần T8** cho các xe ô tô trên, trong đó:

Nhận 10.000.000đ của chủ phương tiện, cá nhân rồi đưa tiền mặt 8.000.000đ cho **Đỗ Văn X** để mua 01 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không cho xe: 81KT-000.58;

Nhận số tiền 39.500.000đ của các chủ phương tiện, cá nhân rồi chuyển khoản cho **Vũ Văn T1** 38.500.000đ để mua 04 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không cho các xe: 81H-012.80; 81H-017.18; 81C-008.02; 81H-017.41;

Nhận số tiền 60.000.000đ rồi đưa tiền mặt 48.000.000đ cho **Lê Đình V** để mua 06 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không cho các xe: 81KT-0011; 81KT-0016; 81KT-0019; 81KT-0032; 81KT-0031; 81KT-0037.

Sau khi có hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không, **P1** liên hệ với các cá nhân, chủ phương tiện thực hiện cải tạo theo hồ sơ thiết kế được thẩm định và đưa xe đến **Trung tâm Đ3** để nghiệm thu xe cơ giới cải tạo. **P1** và các Đăng kiểm viên **Trung tâm Đ3** đã hợp thức hóa Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo khi không có đại diện cơ sở thi công cải tạo tham gia, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho 11 xe cơ giới cải tạo nêu trên.

Đối với **Nguyễn Hoàng G**: **Nguyễn Hoàng G** là nhân viên Phòng Kiểm định xe cơ giới **Cục Đ5**, thực hiện nghiệm thu xe cơ giới cải tạo nên nắm rõ quy trình nghiệm thu xe cơ giới cải tạo và thành phần hồ sơ để nghiệm thu xe cơ giới cải tạo.

Từ năm 2021 đến năm 2022, **G** đã nhận số tiền 276.000.000đ của **Phan Văn H** để mua hồ sơ, thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không của **công ty D**. Sau đó **G** chuyển 237.500.000đ cho **Vũ Hồng Q2** – Cán bộ **Cục Đ5** (là cổ đông sáng lập **Công ty D**; **Công ty Cổ phần T8**) và trực tiếp cung cấp thông tin đăng ký phương tiện, yêu cầu cải tạo xe cơ giới cho **Q2** để mua 45 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không của **Công ty D** (là 45 hồ sơ mà bị can **Phan Văn H** phải chịu trách nhiệm hình sự như đã nêu trên), **G** được hưởng lợi số tiền 38.500.000đ.

Sau khi nhận được hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới từ **G**, **H** liên hệ với chủ phương tiện thực hiện cải tạo theo hồ sơ thiết kế được thẩm định và đưa xe đến **Trung tâm Đ3** để nghiệm thu xe cơ giới cải tạo và đã được các Đăng kiểm viên Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 81-03D hợp thức hóa Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo khi không có đại diện cơ sở thi công cải tạo tham gia, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho các xe cải tạo.

Đối với **Nguyễn Ngọc P3**: **Nguyễn Ngọc P3** có nghề nghiệp là mua bán xe ô tô, **P3** mua xe ô tô 16 chỗ cải tạo thành ô tô tải Van 06 chỗ rồi bán cho các cá nhân để kiếm lời.

Từ năm 2018 đến năm 2022, **P3** đã liên hệ với các Đăng kiểm viên tại Trung tâm 81-03D gồm **Đỗ Văn X**, **Vũ Văn T1**, **Phan Văn H** để mua hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không và thỏa thuận giá 7.000.000đ/xe gồm chi phí mua hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới là 6.000.000đ và phí nghiệm thu xe cơ giới cải tạo, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường là 960.000đ. **P3** đã đưa tổng cộng số tiền 366.500.000đ cho các Đăng kiểm viên để mua tổng cộng 52 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không; cụ thể:

- Đưa cho **Đỗ Văn X** số tiền 126.000.000đ để mua 18 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không;

- Chuyển khoản cho **Vũ Văn T1** số tiền 37.500.000đ để mua 05 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không;

- Đưa cho **Phan Văn H** số tiền 203.000.000đ để mua 29 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không.

Sau khi có hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt thì **P3** tự cải tạo xe hoặc nhờ các gara xe để cải tạo theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Sau đó đưa các xe đã cải tạo đến Trung tâm 81-03D để nghiệm thu xe cải tạo và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và được Trung tâm Đăng kiểm 81-03D hợp thức hóa Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo khi không có đại diện cơ sở thi công cải tạo tham gia, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2024/HS-ST ngày 27/11/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định: tuyên bố các bị cáo **Đỗ Văn X**, **Vũ Văn T1**, **Phan Văn H**, **Ngô Thanh P1**, **Nguyễn Hoàng G** phạm tội “Nhận hối lộ”; bị cáo **Nguyễn Ngọc P3** phạm tội “Đưa hối lộ”.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo **Phan Văn H** 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/7/2023 đến ngày 31/01/2024;

- Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn X** 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/7/2023 đến ngày 31/01/2024;

- Xử phạt bị cáo **Vũ Văn T1** 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/7/2023 đến ngày 31/01/2024.

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo **Ngô Thanh P1** 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng G** 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc P3** 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 28/11/2024, bị cáo **Ngô Thanh P1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

- Ngày 06/12/2024, bị cáo **Vũ Văn T1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 06/12/2024, các bị cáo **Đỗ Văn X, Phan Văn H** kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

- Ngày 09/12/2024, các bị cáo **Nguyễn Ngọc P3, Nguyễn Hoàng G** kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Đỗ Văn X, Vũ Văn T1**, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo **Phan Văn H, Ngô Thanh P1, Nguyễn Ngọc P3**, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt; chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Hoàng G**, giữ nguyên hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày, từ ngày 28/11/2024 đến 09/12/2024, các bị cáo **Ngô Thanh P1, Vũ Văn T1, Đỗ Văn X, Phan Văn H, Nguyễn Ngọc P3** và **Nguyễn Hoàng G** kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2024/HS-ST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo **Đỗ Văn X** và **Phan Văn H** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt những người bào chữa cho các bị cáo.

[2.]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét các nội dung sau:

[2.1]. Về tội danh:

Căn cứ lời khai của các bị cáo tại cấp sơ thẩm, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: **Trung tâm Đ3** thuộc **Công ty TNHH**

đăng kiểm xe cơ giới tỉnh G là Công ty TNHH H1 lên, được Cục Đ5 cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới số 8103D/ĐKVN- 2 ngày 27/12/2018 với 02 dây chuyền kiểm định loại II, có Đỗ Văn X, Ngô Thanh P1 là Phó Giám đốc, Vũ Văn T1, Phan Văn H là Đăng kiểm viên tại Trung tâm. Các bị cáo X, P1, T1, H đã có hành vi nhận tiền của Nguyễn Ngọc P3 và các chủ phương tiện để làm hồ sơ cải tạo xe cơ giới với giá từ 6.000.000đ đến 10.000.000đ/xe. Sau khi nhận được tiền, các bị cáo đã liên hệ với Hoàng Xuân T6, Nguyễn Hoàng G là cán bộ Cục Đ5 và các Công ty TNHH D, Công ty Cổ phần T8, Công ty TNHH Ô1, Công ty TNHH D1, Công ty TNHH MTV Đ6, Công ty Cổ phần D2 để mua hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không với giá: 6.000.000đ/1 xe ô tô 16 chỗ cải tạo thành xe Van 6 chỗ, xe ô tô tải cải tạo thành xe ô tô tải có mui và 8000.000đ/1 xe ô tô tải cải tạo thành xe ô tô tải có cần cẩu. Tiếp đó, các bị cáo đã liên hệ với Nguyễn Ngọc P3 và các chủ phương tiện để những người này tự đưa phương tiện cơ giới đến cơ sở không được cấp phép theo quy định để thi công, cải tạo, rồi đưa xe đến Trung tâm Đăng kiểm 81-03D để thực hiện nghiệm thu, nhờ người ký vào phần đại diện cơ sở thi công cải tạo, ký hợp thức hóa Biên bản kiểm tra chất lượng xe cơ giới cải tạo để cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới cải tạo lưu thông.

Với phương thức, thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2022, Phan Văn H nhận tổng số tiền 316.500.000đ, Nguyễn Hoàng G nhận tổng số tiền 282.000.000đ, Đỗ Văn X nhận tổng số tiền 187.000.000đ, Vũ Văn T1 nhận tổng số tiền 167.000.000đ, Ngô Thanh P1 nhận tổng số tiền 109.500.000đ và Nguyễn Ngọc P3 đưa cho các bị cáo X, T1, H tổng số tiền 366.500.000đ.

Tòa án cấp sơ thẩm kết tội Đỗ Văn X, Vũ Văn T1, Phan Văn H, Ngô Thanh P1, Nguyễn Hoàng G về tội “Nhận hối lộ” với các tình tiết định khung “Của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” và “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự; Nguyễn Ngọc P3 về tội “Đưa hối lộ” với tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” theo quy định các điểm đ, e khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, các bị cáo đều nhận thức được việc mua hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới không và hợp thức hóa Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo để cấp giấy chứng nhận cũng như thực hiện kiểm định xe cơ giới cải tạo đảm bảo điều kiện lưu thông trong khi biết rõ các chủ phương tiện tự thi công cải tạo theo bản vẽ thiết kế xe cơ giới cải tạo chứ

không phải do các cơ sở thi công được cấp phép thi công cải tạo là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ, gây bức xúc và mất niềm tin trong nhân dân, các phương tiện không đủ điều kiện đăng kiểm nếu được đưa vào hoạt động có nguy cơ gây nguy hiểm đối với trật tự an toàn giao thông, gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe con người và tài sản của cá nhân, tổ chức. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện phạm tội giản đơn, không cấu kết, không có tổ chức, mỗi bị cáo đều vì vụ lợi riêng mà tự liên hệ giao dịch để mua hồ sơ không cải tạo, thi công xe cơ giới. Theo đó, **Phan Văn H** nhận 316.500.000đ từ **Nguyễn Ngọc P3** và 17 chủ phương tiện, cá nhân rồi chuyển cho **Nguyễn Hoàng G** là nhân viên Cục đăng kiểm số tiền 282.000.000đ để **G** chuyển cho **Vũ Hồng Q2** để mua không 46 hồ sơ, hưởng lợi 34.500.000đ; **Nguyễn Hoàng G** nhận 282.000.000đ từ **Phan Văn H** rồi chuyển cho **Vũ Hồng Q2** là Cán bộ **Cục Đ5** số tiền 237.500.000đ để mua không 45 hồ sơ, hưởng lợi 44.500.000đ; **Đỗ Văn X** nhận 187.000.000đ từ **Nguyễn Ngọc P3** và 09 cá nhân rồi chuyển hết cho **Hoàng Xuân T6 - Công ty TNHH D** để mua không 27 hồ sơ, hưởng lợi 11.000.000đ; **Vũ Văn T1** nhận 167.000.000đ từ **Nguyễn Ngọc P3**, **Ngô Thanh P1** và 13 chủ phương tiện, cá nhân rồi chuyển cho **Lã Thu C1** số tiền 144.000.000đ để mua không 22 hồ sơ, hưởng lợi 23.000.000đ; **Ngô Thanh P1** nhận 109.500.000đ của 05 chủ phương tiện rồi chuyển cho **Đỗ Văn X** 8.000.000đ để mua không 01 hồ sơ, chuyển cho **Vũ Văn T1** 38.500.000đ để mua không 04 hồ sơ, chuyển cho **Lê Đình V** 48.000.000đ để mua không 06 hồ sơ, hưởng lợi 15.000.000đ; **Nguyễn Ngọc P3** đưa cho các bị cáo **X, T1, H** là các Đăng kiểm viên tổng số tiền 366.500.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chủ động nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả. Các bị cáo **Phan Văn H, Đỗ Văn X, Vũ Văn T1, Nguyễn Ngọc P3** đã tích cực giúp cơ quan tố tụng sớm điều tra, kết thúc vụ án bằng việc khai rõ hành vi phạm tội của mình và của các bị cáo khác. Quá trình công tác, các bị cáo **Đỗ Văn X, Vũ Văn T1, Phan Văn H, Ngô Thanh P1** và **Nguyễn Hoàng G** đều có thành tích xuất sắc được nhiều cơ quan, đơn vị tặng Giấy khen. Ngoài ra, bị cáo **T1** có bố **Vũ Văn Đ** được tặng Kỷ niệm chương vì đã tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới Lạng Sơn, có ông nội là ông **Vũ Văn T7** được tặng Huân chương hạng nhất trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo **H** có bố **Phan Văn Q** được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng 3, được tặng bằng khen có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo **G** nhiều lần (06 lần) được Hội chữ thập đỏ **huyện M, tỉnh Sơn La** và **Trường mầm non C2, huyện B, tỉnh Thanh Hóa** trao tặng danh hiệu Tấm lòng vàng nhân đạo vì đã hỗ trợ kinh phí và tặng quà trong nhiều

chương trình từ thiện, có bố là ông **Nguyễn Văn Đ1** được Bộ trưởng **Bộ G2** và Đào tạo tặng Bằng khen và mẹ là bà **Hoàng Thị P2** được tặng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục và Huy chương Kháng chiến hạng Nhất, hiện đang điều trị ung thư tuyến giáp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo là có căn cứ.

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của từng bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để tuyên xử mức án dưới khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố, xét xử. Mức án 48 tháng tù đối với bị cáo **Phan Văn H**, 42 tháng tù đối với các bị cáo **Đỗ Văn X**, **Vũ Văn T1**, **Ngô Thanh P1** và 30 tháng tù đối với **Nguyễn Hoàng G** là phù hợp.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: đối với **Nguyễn Ngọc P3**, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo nhưng lại xử phạt bị cáo 30 tháng tù là không phù hợp, là bất lợi cho bị cáo.

Các bị cáo bị truy tố theo khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự nhưng của hồi lộ trong mỗi lần phạm tội là không lớn. Sau khi nhận tiền từ các chủ phương tiện có nhu cầu cải tạo xe cơ giới để làm không hồ sơ thiết kế, thi công, đăng kiểm và nghiệm thu, các bị cáo đã chuyển phần lớn số tiền đã nhận cho các cá nhân, tổ chức khác để mua không hồ sơ cho các chủ phương tiện, số tiền các bị cáo được hưởng lợi là không lớn, trong đó: **Đỗ Văn X** hưởng lợi 11.000.000đ, **Vũ Văn T1** hưởng lợi 23.000.000đ, **Phan Văn H** hưởng lợi 34.500.000đ, **Ngô Thanh P1** hưởng lợi 15.000.000đ, **Nguyễn Hoàng G** hưởng lợi 44.000.000đ; các bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo **Vũ Văn T1**, **Phan Văn H**, **Nguyễn Ngọc P3** cung cấp tài liệu thể hiện có hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình; **Phan Văn H** hiện nuôi hai con nhỏ, chăm sóc mẹ già không còn khả năng lao động, bị cáo hiện đang điều trị bệnh viêm gan; **Vũ Văn T1** đã nộp số tiền thu lợi bất chính còn lại là 3.000.000đ. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo **Đỗ Văn X**, **Ngô Thanh P1**, **Phan Văn H**, **Nguyễn Hoàng G**, **Nguyễn Ngọc P3**, **Vũ Văn T1** đã chủ động nộp khoản án phí hình sự sơ thẩm; điều này thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, ý thức chấp hành pháp luật, tôn trọng phán quyết của Tòa án của các bị cáo. Đây cũng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt.

Đối với bị cáo **Nguyễn Hoàng G**: sau khi phạm tội, bị cáo bị ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú thùy phải T1aNxM0, đã phẫu thuật ngày 13/3/2024, hiện đang theo dõi điều trị tại **Bệnh viện T9**; bị cáo có nhiều tình

tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho **Nguyễn Hoàng G** được hưởng án treo, đề bị cáo tự cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình. Việc thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sức khỏe của bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo **Đỗ Văn X**, **Vũ Văn T1**, **Phan Văn H**, **Ngô Thanh P1**, **Nguyễn Ngọc P3**, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt; chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Hoàng G**, giữ nguyên hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo **Đỗ Văn X**, **Vũ Văn T1**, **Phan Văn H**, **Ngô Thanh P1** và **Nguyễn Ngọc P3**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2024/HS-ST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với các bị cáo.

2. Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015;

2.1. Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn X** 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/7/2023 đến ngày 31/01/2024.

2.2. Xử phạt bị cáo **Vũ Văn T1** 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/7/2023 đến ngày 31/01/2024.

2.3. Xử phạt bị cáo **Phan Văn H** 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/7/2023 đến ngày 31/01/2024.

3. Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 354; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015;

3.1. Xử phạt bị cáo **Ngô Thanh P1** 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 364; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015;

4.1. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc P3** 18 (mười tám) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

5. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Hoàng G**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2024/HS-ST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo.

5.1. Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 354; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng G** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Hoàng G** cho Ủy ban nhân dân phường T, quận B, Thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo **Đỗ Văn X**, **Vũ Văn T1**, **Phan Văn H**, **Ngô Thanh P1**, **Nguyễn Hoàng G** và **Nguyễn Ngọc P3** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Đức Kiên